TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/DS-ST
Ngày: 26/01/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre: Ông Phan Hoàng Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 303/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ánh H**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho bà Võ Thị N tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 21/12/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2023, biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị N là cậu, mợ của bà. Khoảng đầu năm 2021 âm lịch, bà N kẹt tiền mua bán nhãn nên có hỏi bà vay tiền. Ngày 24/3/2021 âm lịch, tức ngày 05/5/2021 dương lịch, bà có cho bà N vay 02 khoản tiền nên làm 02 giấy nợ. Khoản thứ nhất số tiền 20.000.000 đồng, hẹn 24/7/2021 âm lịch, tức ngày 31/8/2021 dương lịch sẽ trả; khoản thứ hai là 50.000.000 đồng, hẹn 24/11/2021 âm lịch, tức ngày 27/12/2021 dương lịch sẽ trả. Hai khoản vay này lãi suất 7%/tháng, bà không có tiền mà đi vay tiền giùm bà N rồi lấy tiền lãi của bà N đưa cho người cho vay. Bà N đóng lãi được tháng 4/2021. Đến tháng 5/2021, bà N không trả mà bỏ đi khỏi địa phương do nợ nần nhiều. Từ đó đến nay, bà N không đóng lãi, không trả nợ gốc cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ.

Trước đây, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N, ông T liên đới trả số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 1.75%/tháng từ ngày 27/12/2021 dương lịch (24/11/2021 âm lịch) cho đến khi giải quyết xong. Tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm từ ngày hết hạn hai khoản tiền vay cho đến ngày xét xử vụ án (26/01/2024).

** Tại Tờ tự khai ngày 22/12/2023, Biên bản hòa giải ngày 22/12/2023, bị đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T là bà Võ Thị N có ý kiến như sau:*

Bà thừa nhận do thiếu tiền làm ăn nên vào tháng 11/2020 âm lịch, bà có vay bà H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa 7%/tháng, bà vay để mua bán nhãn, đến tháng 3/2021 âm lịch, thì bà vay thêm bà H thêm một khoản vay nữa là 20.000.000 đồng, cũng thỏa thuận lãi 7%/tháng. Hai khoản vay này đều có

viết giấy tờ vay, đều do bà viết. Hai giấy vay tiền của bà H cung cấp cho Tòa án, bà đã nhận và xác định đây đều là chữ ký, chữ viết của bà.

Bà đóng lãi cho bà H khoản vay 50.000.000 đồng được 03 tháng từ tháng 11/2020, đến tháng 3/2021, bà vay thêm số tiền 20.000.000 đồng thì bà gộp 02 khoản vay thành số tiền 70.000.000 đồng. Bà đóng lãi được 02 tháng với số tiền vay 70.000.000 đồng đến tháng 5/2021 âm lịch, từ tháng 6/2021 âm lịch thì bà làm ăn không thuận lợi nên bỏ đi khỏi địa phương, không đóng lãi cho bà H đến nay. Tổng số tiền bà đóng lãi cho bà H là 20.300.000 đồng.

Khoảng tháng 3/2023 âm lịch thì bà thỏa thuận với bà Lê Thị Ánh H trả 500.000 đồng/tháng nhưng từ đó đến nay vẫn không trả được.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà H, bà cũng giữ yêu cầu trả dần 500.000 đồng/tháng tiền nợ gốc và xin không trả lãi cho đến khi hết nợ.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T của bà Lê Thị Ánh H thì bà thống nhất vì ông T không biết việc các khoản vay này

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì các đương sự có chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với bà Võ Thị N.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với bà Võ Thị N về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Buộc bà Võ Thị N chịu lãi số tiền lãi 10%/năm từ ngày hết hạn hai khoản tiền vay cho đến ngày xét xử (26/01/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N trả tiền vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Võ Thị N có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ánh H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với bà Võ Thị N. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Lê Thị Ánh H.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Bà Lê Thị Ánh H khởi kiện cho rằng có cho bà Võ Thị N vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày 05/5/2021 (24/3/2021 âm lịch), việc vay tiền có lập thành 02 giấy nợ, do bà Võ Thị N viết và ký tên, khoản vay lãi suất 7%/tháng, khoản vay 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) hẹn ngày 31/8/2021 (24/7/2021 âm lịch) sẽ trả, khoản vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) hẹn ngày 27/12/2021 (24/11/2021 âm lịch) sẽ trả nhưng đến

nay bà N, chỉ trả lãi được tháng 4/2021 và không trả vốn nên bà khởi kiện. Căn cứ khởi kiện là 02 "Giấy mượn tiền ngày 24/3/2021 âm lịch" (bút lục 34, 35).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị N thừa nhận có vay bà Lê Thị Ánh H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Bà cho rằng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bà vay của bà H vào tháng 11/2020 âm lịch, đến tháng 3/2021 âm lịch thì vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nên gộp hai khoản tiền lại là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N cũng thừa nhận 02 "Giấy mượn tiền ngày 24/3/2021 âm lịch" (bút lục 34, 35) mà bà H cung cấp là chữ ký, chữ viết của bà. Ngoài ra, Tòa án cũng đã có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 213 ngày 22/12/2023 yêu cầu bà N cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nhưng bà không cung cấp được (bút lục 44).

Xét thấy, bà N không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thời gian vay tiền như lời khai của bà, mặt khác bà cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình tại 02 "Giấy mượn tiền ngày 24/3/2021 âm lịch" (bút lục 34, 35). Đây là sự thừa nhận của các bên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Bà Lê Thị Ánh H yêu cầu tính lãi 02 khoản tiền vay 20.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm từ ngày đến hạn hai khoản tiền vay cho đến ngày xét xử (26/01/2024). Yêu cầu tính lãi suất số tiền vay của bà Lê Thị Ánh H là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, 02 "Giấy mượn tiền ngày 24/3/2021 âm lịch" (bút lục 34, 35) do bà Võ Thị N viết, khoản vay 20.000.000 đồng, hẹn ngày 31/8/2021 (24/7/2021 âm lịch) sẽ trả, khoản vay 50.000.000 đồng, hẹn ngày 27/12/2021 (24/11/2021 âm lịch) sẽ trả. Căn cứ quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Về lãi suất: Cả 02 "Giấy mượn tiền ngày 24/3/2021 âm lịch" không ghi rõ lãi suất cụ thể bao nhiêu, nhưng các bên thống nhất lãi suất 7%/tháng. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ánh H chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày đến hạn hai khoản tiền vay cho đến ngày xét xử (26/01/2024) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tiền lãi được tính như sau:

Cụ thể:

- Khoản vay 20.000.000 đồng: ngày vay 05/5/2021 (24/3/2021 âm lịch) đến hạn ngày 31/8/2021 (24/7/2021 âm lịch). Tiền lãi được tính từ ngày 01/9/2021 – 26/01/2024 = 20.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 4 tháng 25 ngày = 4.804.000 đồng.

- Khoản vay 50.000.000 đồng: ngày vay 05/5/2021 (24/3/2021 âm lịch) đến hạn ngày 27/12/2021 (24/11/2021 âm lịch). Tiền lãi được tính từ ngày 28/12/2021 – 26/01/2024 = 20.000.000 đồng x 10%/năm x 2 năm 29 ngày = 10.397.000 đồng.

Vậy, tổng tiền lãi của hai khoản vay là 15.201.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn đông). Bà Võ Thị N có nghĩa vụ phải trả bà Lê Thị Ánh H số tiền gồm tiền vay và lãi là 85.201.000 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng), bao gồm 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 15.201.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng) tiền lãi.

[6] Về việc trả dần: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N yêu cầu được trả dần 500.000 đồng/tháng (Năm trăm nghìn đồng một tháng) nhưng không được bà H chấp nhận. Xét thấy, đây là việc thỏa thuận các bên tại giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Lê Thị Ánh H không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Võ Thị N phải chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 85.201.000 đồng x 5% = 4.260.050 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Võ Thị N trả nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với bà Võ Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền vay là 85.201.000 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng), trong đó: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 15.201.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Võ Thị N phải chịu số tiền án phí là 4.260.050 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Lê Thị Ánh H số tiền án phí đã nộp là 2.515.625 (Hai triệu năm trăm mười lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000496 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Lê Thị Ánh H, bà Võ Thị N, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ